TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/**2019/DS - ST.
Ngày: 08/7/2019.
"V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Khởi.

2. Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2019TLST - DS, ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Ngô Thanh Đ

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm M

Cùng địa chỉ: ấp L, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Thanh Đ trình bày: Ông làm chủ hụi, bà Trần Thị H làm hụi viên; bà H có tham gia góp hụi cùng ông 02 dây hụi tháng của tổ 03 và tổ 04, cụ thể như sau:

- Tổ 3: Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 10/5/2016 âl, gồm 33 hụi viên, hụi mãn ngày 10/12/2018 âl. Dây hụi này bà H góp cùng ông 01 phần, sau khi

góp hụi thì bà góp hụi sống được 22 kỳ, đến kỳ thứ 23 thì H hốt hụi, sau khi hốt hụi xong thì bà H góp thêm đến kỳ thứ 27 và hiện nay bà H còn nợ ông 6 kỳ hụi chết bằng 3.000.000 đồng;

- Tổ 4: Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 10/5/2016 âl, gồm 33 hụi viên, hụi mãn ngày 10/12/2018 âl. Dây hụi này bà H góp cùng ông 01 phần, sau khi góp hụi thì bà góp hụi sống được 25 kỳ, đến kỳ thứ 27 thì H hốt hụi xong thì bà H không có góp hụi cho ông và hiện nay bà H còn nợ ông 6 kỳ bằng 3.000.000 đồng.

Như vậy, hiện nay bà H còn nợ ông 02 phần hụi là 6.000.000 đồng.

Do hai bên khai không thống nhất nhau về số tiền, nên ông chỉ yêu cầu bà H trả số tiền hụi ông đã góp thay là 5.000.000 đồng và trong thời gian ngắn nhất.

***** Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị H do bà Nguyễn Thị Cẩm M đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà thừa nhận hiện nay mẹ bà là bà Trần Thị H còn nợ ông H số tiền hụi là 5.000.000 đồng và xin trả hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 BLDS; Điều 24 và Điều 27 của Nghị định số 19/NĐ- CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ duy định về họ hụi, biêu phường và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; xử buộc bà Trần Thị H hoàn trả cho ông Đ số tiền hụi đã trả thay là 5.000.000 đồng và tại Toà ông Đ không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Thanh Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà H trả cho ông 5.000.000 đồng thay vì theo đơn khởi kiện là 6.000.000 đồng. **Xét thấy**, việc thay đổi yêu cầu

khởi kiện của ông Ngô Thanh Đ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Đ làm chủ hụi, bà Trần Thị H làm hụi viên; bà H có tham gia góp hụi cùng ông 02 dây hụi tháng của tổ 03 và tổ 04, sau khi góp hụi và hốt hụi xong thì bà H còn nợ ông Đ số tiền vốn của 02 dây hụi là 5.000.000 đồng.

Nay ông Đ yêu cầu bà H trả số tiền trên trong thời gian ngắn; phía bà M đại diện theo ủy quyền của bà H đồng ý trả cho ông Đ số tiền hụi gốc 5.000.000 đồng, nhưng xin trả hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. **Xét thấy**, tại tòa hôm nay, bà M đại diện theo ủy quyền của bà H thừa nhận còn nợ ông Đ tiền hụi đã góp vốn là 5.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ khẳng định bà H còn nợ ông Đ số tiền hụi là 5.000.000 đồng.

[3] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hụi giữa các bên đương sự nhận thấy: Ông Đ với bà H là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[4] Xét về lỗi: Bà H là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ không góp hụi cho ông Đ, chính việc vi phạm nghĩa vụ của bà H đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của ông Đ. Do đó, bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền hụi đã góp thay là 5.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 BLDS và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và tại Toà ông Đ không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu của bà M đại diện theo ủy quyền của bà H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà H hoàn trả hàng tháng là 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ. **Xét thấy**, yêu cầu này của bà M đại diện theo ủy quyền của bà H không được ông Đ đồng ý và thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử buộc bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 24 và Điều 27 của Nghị định số 19/NĐ- CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ duy định về họ hụi, biêu phường và Điều 30 của Nghị

định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 24 và Điều 27 của Nghị định số 19/NĐ- CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ duy định về họ hụi, biêu phường và Điều 30 của Nghị định số:144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh Đ. Xử buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Ngô Thanh Đ số tiền hụi vốn đã góp thay là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị H phải chịu là 300.000 đồng;

2.2. Ông Ngô Thanh Đ không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Ngô Thanh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0008538 ngày 13/05/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

Hồ Văn Phụng